

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ
lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư trong tỉnh Sơn La

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính
nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Công văn số 5990/VPCP-KSTT ngày 22/8/2024 của Văn phòng
Chính phủ về việc công bố, rà soát, đơn giản hoá TTHC nội bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 485/TTr-
SKHĐT ngày 05 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 25 thủ tục hành chính nội bộ
trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư thuộc phạm vi
chức năng quản lý của UBND tỉnh Sơn La (Có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch
và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên
quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Hương (05b).

CHỦ TỊCH

Hoàng Quốc Khánh

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TRONG TỈNH SƠN LA**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2024
của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương	Quản lý đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư
2	Xây dựng kế hoạch đầu tư công hằng năm của địa phương	Quản lý đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư
3	Đề nghị điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Ngân sách Trung ương	Quản lý đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư
4	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Ngân sách địa phương cấp tỉnh	Quản lý đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư
5	Lập quy hoạch tỉnh.	Quy hoạch	Sở Kế hoạch và Đầu tư
6	Đề nghị điều chỉnh quy hoạch tỉnh.	Quy hoạch	Sở Kế hoạch và Đầu tư
7	Cung cấp thông tin quy hoạch tỉnh.	Quy hoạch	Sở Kế hoạch và Đầu tư
8	Quyết định thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập	Đăng ký kinh doanh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
9	Quyết định hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	Đăng ký kinh doanh	Cơ quan đại diện chủ sở hữu
10	Quyết định chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	Đăng ký kinh doanh	Cơ quan đại diện chủ sở hữu
11	Quyết định tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh	Đăng ký kinh doanh	Cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban

	ngành do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)		nhân dân cấp tỉnh) và các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 206 Luật Doanh nghiệp.
12	Quyết định giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)	Đăng ký kinh doanh	Người quyết định thành lập doanh nghiệp là người quyết định giải thể doanh nghiệp.
13	Quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư công khẩn cấp	Đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư
14	Lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án	Đấu thầu	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh
15	Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (<i>trong trường hợp không áp dụng kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu</i>)	Đấu thầu	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh
16	Thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư	Đấu thầu	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh
17	Lập, phê duyệt hồ sơ mời quan tâm	Đấu thầu	Cơ quan, đơn vị, UBND cấp huyện được giao làm Bên mời quan tâm, Chủ tịch UBND tỉnh
18	Trình, phê duyệt và công khai kết quả mời quan tâm	Đấu thầu	Bên mời quan tâm, Chủ tịch UBND tỉnh
19	Lập, phê duyệt bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư	Đấu thầu	Cơ quan, đơn vị trực thuộc, cơ quan chuyên môn được giao nhiệm vụ; Các cơ quan có liên quan; Chủ tịch UBND tỉnh
20	Ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của địa phương	Đấu thầu	Người đứng đầu cơ quan, đơn vị Chủ tịch UBND tỉnh
21	Quyết định/Điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A thuộc thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh	Đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư

22	Quyết định/Điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C do địa phương quản lý	Đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư
23	Quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C	Đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư
24	Điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C	Đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư
25	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư	Đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG TTHC

1. Thủ tục: Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương

- **Trình tự thực hiện:** Căn cứ Điều 55 và Điều 62 Luật Đầu tư công,

Bước 1: Căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (*bao gồm thông báo tổng mức vốn đầu tư công dự kiến giai đoạn sau*), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

+ Hướng dẫn cho các cơ quan, đơn vị ở địa phương lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau;

+ Giao cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công tổ chức lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau trong phạm vi nhiệm vụ được giao và nguồn vốn thuộc cấp mình quản lý, báo cáo cơ quan cấp trên xem xét và gửi cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp tỉnh;

+ Tổ chức thẩm định hoặc giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn của sở, ban, ngành thuộc tỉnh;

+ Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư lập kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp tỉnh giai đoạn sau, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét;

+ Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau;

+ Hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

Bước 2: Sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

+ Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn của cấp mình, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp

cho ý kiến trước ngày 15 tháng 6 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

+ Hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 6 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

Bước 3: Trước ngày 05 tháng 12 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến về các nội dung theo quy định tại Điều 49 của Luật này; riêng kế hoạch đầu tư công năm đầu tiên của giai đoạn sau, căn cứ vào dự toán chi ngân sách địa phương cho đầu tư phát triển, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

Bước 4: Căn cứ nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn mới và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 05 năm, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương, bao gồm tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn, danh mục, mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh và mức vốn bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới, gửi báo cáo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

Bước 5: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về kế hoạch đầu tư công trung hạn, Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch đầu tư công trung hạn cho các đơn vị thực hiện, bao gồm tổng mức vốn, danh mục chương trình, dự án và mức vốn bố trí cho từng dự án.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định.

- **Thời hạn giải quyết:** Theo quy định hướng dẫn của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư

+ Cơ quan phối hợp thực hiện: Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh.

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: HĐND tỉnh, UBND tỉnh.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh.

- **Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Danh mục dự án có thủ tục đầu tư, thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019.

2. Thủ tục: Xây dựng kế hoạch đầu tư công hằng năm của địa phương

- **Trình tự thực hiện:** Căn cứ Điều 56 và Điều 63 Luật Đầu tư công:

Bước 1: Căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn cơ quan, đơn vị cấp dưới lập kế hoạch đầu tư công năm sau.

Bước 2: Trước ngày 20 tháng 7 hằng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức lập, thẩm định, tổng hợp kế hoạch đầu tư công năm sau trong phạm vi nhiệm vụ được giao và nguồn vốn thuộc cấp mình quản lý, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Bước 3: Trước ngày 25 tháng 7 hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm sau.

Bước 4: Trước ngày 31 tháng 7 hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư công năm sau, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

Bước 5: Căn cứ Thông báo số kế hoạch vốn dự kiến phân bổ năm sau của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện dự kiến kế hoạch đầu tư công năm sau, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

Bước 6: Trước ngày 05 tháng 12 hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh kế hoạch đầu tư công năm sau, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án.

Bước 7: Trước ngày 10 tháng 12 hằng năm, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư công năm sau của cấp mình, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án.

Bước 8: Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, Ủy ban nhân dân các cấp giao kế hoạch đầu tư công năm sau cho các đơn vị thực hiện.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh.

- **Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:** Không quy định.

- **Thời hạn giải quyết:** Theo quy định hướng dẫn của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở, ban ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

+ Cơ quan phối hợp thực hiện: Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh.

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: HĐND tỉnh, UBND tỉnh.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh.

- **Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Danh mục dự án có thủ tục đầu tư, thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019.

3. Thủ tục: Đề nghị điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Ngân sách trung ương

- **Trình tự thực hiện:** Căn cứ Điều 67 Luật Đầu tư công và Điều 46 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ sự cần thiết, yêu cầu về tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát, đề xuất phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW của địa phương mình, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp.

Bước 2: Sau khi có Quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW của Thủ tướng Chính phủ, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định điều chỉnh.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định.

- **Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở, ban ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư

+ Cơ quan phối hợp thực hiện: Văn phòng UBND tỉnh.

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định của UBND tỉnh.

- **Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Danh mục dự án có thủ tục đầu tư, thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019.

+ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

4. Thủ tục: Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Ngân sách địa phương

- **Trình tự thực hiện:** Căn cứ Điều 67 Luật Đầu tư công và Điều 46 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ sự cần thiết, yêu cầu về tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư về rà soát, đề xuất phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương, trình cấp có trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định theo quy định.

Bước 2: Sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định điều chỉnh.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định.

- **Thời hạn giải quyết:** Thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm trước ngày 15 tháng 11 năm kế hoạch.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở, ban ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư

+ Cơ quan phối hợp thực hiện: Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh.

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: HĐND tỉnh, UBND tỉnh.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh.

- **Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Danh mục dự án có thủ tục đầu tư, thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019.

+ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

5. Thủ tục: Lập quy hoạch tỉnh

- Trình tự thực hiện:

*** Đối với quy hoạch tỉnh**

Bước 1: Sở Kế hoạch và Đầu tư (*cơ quan được UBND tỉnh giao lập quy hoạch tỉnh*) chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Bước 2: Sở Kế hoạch và Đầu tư (*cơ quan được UBND tỉnh giao lập quy hoạch tỉnh*) lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện nghiên cứu, xây dựng quy hoạch; phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đề xuất các quan điểm chỉ đạo và mục tiêu, các định hướng ưu tiên phát triển làm cơ sở lập quy hoạch.

Bước 3: Các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất nội dung đưa vào quy hoạch thuộc lĩnh vực phụ trách và gửi cơ quan lập quy hoạch.

Bước 4: Sở Kế hoạch và Đầu tư (*cơ quan được UBND tỉnh giao lập quy hoạch tỉnh*) chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên huyện nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch; đề xuất Điều chỉnh, bổ sung nội dung quy hoạch do các cơ quan, tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng.

Bước 5: Các cơ quan, tổ chức liên quan, UBND cấp huyện điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện nội dung quy hoạch được phân công gửi cơ quan lập quy hoạch.

Bước 6: Sở Kế hoạch và Đầu tư (*cơ quan được UBND tỉnh giao lập quy hoạch tỉnh*) hoàn thiện quy hoạch và gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 19 của Luật Quy hoạch.

Bước 7: Sở Kế hoạch và Đầu tư (*cơ quan được UBND tỉnh giao lập quy hoạch tỉnh*) tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch.

Bước 8: Sở Kế hoạch và Đầu tư (*cơ quan được UBND tỉnh giao lập quy hoạch tỉnh*) hoàn thiện quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Bước 9: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, thông qua quy hoạch trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

*** Đối với đánh giá môi trường chiến lược đối với quy hoạch tỉnh**

Đánh giá môi trường chiến lược đối với quy hoạch tỉnh thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5 và 6 Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường bằng văn bản đồng thời với việc lấy ý kiến về quy hoạch. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trả lời bằng văn bản bao gồm nội dung về quy hoạch và nội dung báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với quy hoạch.

- Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh.

- Thành phần hồ sơ:

Đối với hồ sơ xin ý kiến dự thảo quy hoạch, gồm các tài liệu sau:

- + Báo cáo quy hoạch tỉnh;
- + Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (đối với quy hoạch tỉnh);
- + Hệ thống sơ đồ, bản đồ thể hiện nội dung quy hoạch tỉnh.

Trường hợp quy hoạch có liên quan tới vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh, cơ quan lập quy hoạch phải thống nhất với Bộ Quốc phòng và Bộ Công an về nội dung quy hoạch trước khi gửi lấy ý kiến về quy hoạch.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định.

- Thời hạn giải quyết:

- + Thời gian lập quy hoạch tỉnh: 30 tháng.
- + Các cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- + Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- + Cơ quan phối hợp thực hiện: Văn phòng UBND tỉnh.
- + Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Tờ trình phê duyệt quy hoạch.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Luật Quy hoạch; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số

điều của Luật Quy hoạch, Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

6. Thủ tục: Đề nghị điều chỉnh quy hoạch tỉnh

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương điều chỉnh quy hoạch tỉnh.

Bước 2: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện nghiên cứu, xây dựng quy hoạch; phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đề xuất các quan điểm chỉ đạo và mục tiêu, các định hướng ưu tiên phát triển làm cơ sở lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh.

Bước 4: Các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất nội dung đưa vào quy hoạch thuộc lĩnh vực phụ trách và gửi cơ quan lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh.

Bước 5: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên huyện nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của điều chỉnh quy hoạch; đề xuất Điều chỉnh, bổ sung nội dung quy hoạch do các cơ quan, tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng.

Bước 6: Các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện nội dung điều chỉnh quy hoạch được phân công gửi cơ quan lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh.

Bước 7: Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn thiện quy hoạch và gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 19 của Luật Quy hoạch.

Bước 8: Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện điều chỉnh quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch.

Bước 9: Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn thiện điều chỉnh quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Bước 10: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, thông qua điều chỉnh quy hoạch trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh.

- Thành phần hồ sơ:

Đối với hồ sơ xin ý kiến dự thảo quy hoạch điều chỉnh, gồm các tài liệu sau:

- + Báo cáo quy hoạch tỉnh điều chỉnh;
- + Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (đối với quy hoạch tỉnh điều chỉnh);
- + Hệ thống sơ đồ, bản đồ thể hiện nội dung quy hoạch điều chỉnh.

Trường hợp quy hoạch điều chỉnh có liên quan tới vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh, cơ quan lập quy hoạch phải thống nhất với Bộ Quốc phòng và Bộ Công an về nội dung quy hoạch trước khi gửi lấy ý kiến về quy hoạch.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định.

- Thời hạn giải quyết:

- + Thời gian lập quy hoạch tỉnh điều chỉnh: 30 tháng.
- + Các cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- + Cơ quan phối hợp thực hiện: Văn phòng UBND tỉnh.
- + Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Tờ trình phê duyệt quy hoạch điều chỉnh.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Luật Quy hoạch; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

7. Thủ tục: Cung cấp thông tin quy hoạch tỉnh

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cung cấp thông tin về quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt.

Bước 2: Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch tỉnh.

- Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều

hành của UBND tỉnh.

Hình thức cung cấp thông tin quy hoạch.

+ Cung cấp bằng văn bản trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh) hoặc thông tin trực tiếp theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

+ Đăng tải trên trang thông tin điện tử và phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 40 của Luật Quy hoạch.

+ Cung cấp các ấn phẩm về quy hoạch (trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích).

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định.

- **Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Kế hoạch và Đầu tư (cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao lập quy hoạch tỉnh).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông tin về quy hoạch.

- **Phí, lệ phí (nếu có):** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Quy hoạch; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

8. Thủ tục: Quyết định thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập

- **Trình tự thực hiện:** Thực hiện theo Điều 10 Nghị định 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ:

Bước 1: Cơ quan đại diện chủ sở hữu lập 03 bộ Hồ sơ gốc đề nghị thành lập doanh nghiệp và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định.

Bước 2: Sau khi nhận đủ Hồ sơ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì lấy ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ quản lý ngành (trong trường hợp doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quyết định thành lập) hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự định đặt trụ sở chính (trong trường hợp doanh nghiệp do Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quyết định thành lập).

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Hồ sơ, các cơ quan liên quan gửi văn bản tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi quản lý đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp và lập báo cáo thẩm định.

Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định và gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Bước 4: Cơ quan đại diện chủ sở hữu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hoàn thiện Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương thành lập doanh nghiệp.

Bước 5: Cơ quan đại diện chủ sở hữu ra quyết định thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương.

- Cách thức thực hiện:

- + Thông qua hệ thống tiếp nhận văn bản điện tử Ioffice;
- + Qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ: Thực hiện theo Điều 6 Nghị định 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ:

* Thành phần hồ sơ

- + Tờ trình đề nghị thành lập doanh nghiệp.
- + Đề án thành lập doanh nghiệp phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - i) Căn cứ pháp lý, mục tiêu, sự cần thiết thành lập doanh nghiệp;
 - ii) Tên gọi, mô hình tổ chức quản lý doanh nghiệp và thời gian hoạt động;
 - iii) Địa điểm trụ sở chính của doanh nghiệp, địa điểm xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh và diện tích đất sử dụng; chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có);
 - iv) Nhiệm vụ do Nhà nước giao; ngành, nghề kinh doanh; danh mục sản phẩm, dịch vụ do doanh nghiệp cung ứng;
 - v) Đánh giá sự phù hợp của việc thành lập doanh nghiệp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành quốc gia;
 - vi) Tình hình thị trường, nhu cầu và triển vọng thị trường về từng loại sản phẩm, dịch vụ do doanh nghiệp cung ứng; công nghệ dự kiến áp dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh; kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm sau khi thành lập;
 - vii) Mức vốn điều lệ; dự kiến tổng vốn đầu tư (trường hợp thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ gắn với thực hiện dự án đầu tư); nguồn và hình thức huy động số vốn còn lại ngoài nguồn vốn đầu tư ban đầu của Nhà nước; phương án hoàn trả vốn huy động; nhu cầu và biện pháp tạo vốn lưu động đối với doanh nghiệp;
 - viii) Dự kiến hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội;
 - ix) Dự kiến khả năng cung ứng nguồn lao động, nguyên liệu, vật liệu, năng lượng, công nghệ và các điều kiện cần thiết khác để hoạt động sau khi thành lập.

* Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 50 ngày.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Điều 7 Nghị định 23/2022/NĐ-CP)

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Trong trường hợp được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Cơ quan đại diện chủ sở hữu ra quyết định thành lập doanh nghiệp

- **Phí, lệ phí (nếu có):** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

Theo Điều 4 Nghị định 23/2022/NĐ-CP

+ Có ngành, lĩnh vực hoạt động thuộc phạm vi đầu tư vốn nhà nước để thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

+ Đảm bảo đủ vốn điều lệ theo quy định:

i) Doanh nghiệp khi thành lập phải có mức vốn điều lệ không thấp hơn 100 tỷ đồng.

ii) Trường hợp kinh doanh những ngành, nghề quy định phải có vốn pháp định thì ngoài điều kiện nêu trên, vốn điều lệ của doanh nghiệp khi thành lập không thấp hơn mức vốn pháp định quy định đối với ngành, nghề kinh doanh đó.

iii) Đối với doanh nghiệp cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu, bảo đảm an sinh xã hội hoặc hoạt động trong một số ngành, lĩnh vực, địa bàn cần Nhà nước đầu tư vốn để thành lập doanh nghiệp thì vốn điều lệ có thể thấp hơn mức quy định nêu trên (100 tỷ đồng) nhưng không thấp hơn mức vốn pháp định quy định đối với ngành, nghề kinh doanh yêu cầu vốn pháp định

+ Có Hồ sơ hợp lệ theo quy định.

+ Việc thành lập doanh nghiệp phải phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành quốc gia.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

+ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 69/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014.

+ Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

9. Thủ tục: Quyết định hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý

- Trình tự thực hiện:

Thực hiện theo quy định tại Mục 2 Phần B Phụ lục II Quyết định 1330/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2022:

+ Các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ phối hợp, thống nhất lập Hồ sơ đề nghị hợp nhất, sáp nhập, trình cơ quan quyết định thành lập hoặc được giao quản lý xem xét, quyết định.

+ Khi nhận được Hồ sơ đề nghị hợp nhất, sáp nhập, cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt Hồ sơ và ra quyết định hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp.

+ Sau khi có quyết định hợp nhất, sáp nhập, người đại diện theo pháp luật của các doanh nghiệp cùng ký vào Hợp đồng hợp nhất, sáp nhập và có trách nhiệm triển khai thực hiện Đề án hợp nhất, sáp nhập.

+ Doanh nghiệp nhận sáp nhập và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được thành lập trên cơ sở hợp nhất thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Cách thức thực hiện:

+ Thông qua hệ thống tiếp nhận văn bản điện tử Ioffice;

+ Qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ: Thực hiện theo quy định tại Mục 2 Phần B Phụ lục II Quyết định 1330/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2022:

* Thành phần hồ sơ

+ Tờ trình đề nghị hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp;

+ Đề án hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

i) Tên, địa chỉ các doanh nghiệp trước và sau khi hợp nhất, sáp nhập;

ii) Sự cần thiết của việc hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp; sự phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành quốc gia;

iii) Mức vốn điều lệ của doanh nghiệp sau khi hợp nhất, sáp nhập;

iv) Phương án sắp xếp, sử dụng lao động;

v) Phương án xử lý tài chính, chuyển đổi, bàn giao vốn, tài sản và giải quyết các quyền, nghĩa vụ của các doanh nghiệp liên quan đến việc hợp nhất, sáp nhập;

vi) Thời hạn thực hiện hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp;

+ Báo cáo tài chính năm trước liền kề của doanh nghiệp đã được kiểm toán và báo cáo tài chính quý gần nhất với thời điểm hợp nhất, sáp nhập;

+ Dự thảo Điều lệ của doanh nghiệp mới được hình thành sau khi hợp nhất, sáp nhập;

+ Dự thảo Hợp đồng hợp nhất, sáp nhập theo quy định tại Điều 200, Điều 201 Luật Doanh nghiệp đối với trường hợp sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp;

+ Các tài liệu khác có liên quan đến việc hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp (nếu có).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Hồ sơ đề nghị hợp nhất, sáp nhập, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 15 Nghị định số [23/2022/NĐ-CP](#) thẩm định, phê duyệt Hồ sơ và ra quyết định hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện hợp nhất, sáp nhập

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Cơ quan đại diện chủ sở hữu

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp của cơ quan đại diện chủ sở hữu

- **Phí, lệ phí (nếu có):** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được hợp nhất, sáp nhập khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

+ Việc sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp phải phù hợp với văn bản về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trường hợp chưa được quy định tại các văn bản này thì cơ quan đại diện chủ sở hữu phải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

+ Việc hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp phải đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Cạnh tranh về hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

+ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 69/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014.

+ Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

10. Thủ tục: Quyết định chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý

- **Trình tự thực hiện:** Thực hiện theo quy định tại Mục 3 Phần B Phụ lục II Quyết định 1330/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2022

+ Doanh nghiệp lập Hồ sơ đề nghị chia, tách gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu để thẩm định.

+ Sau khi nhận đủ Hồ sơ đề nghị chia, tách, cơ quan đại diện chủ sở hữu chủ trì lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ quản lý ngành.

+ Khi nhận được Hồ sơ, các cơ quan liên quan gửi văn bản tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi quản lý đến cơ quan đại diện chủ sở hữu.

+ Khi nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, cơ quan đại diện chủ sở hữu lập báo cáo thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương.

+ Cơ quan đại diện chủ sở hữu ra quyết định chia, tách doanh nghiệp sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương.

+ Sau khi có quyết định chia, tách, doanh nghiệp có trách nhiệm triển khai thực hiện Đề án chia, tách.

+ Doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở chia, tách thực hiện các thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Cách thức thực hiện:

+ Thông qua hệ thống tiếp nhận văn bản điện tử Ioffice;

+ Qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ

+ Tờ trình đề nghị chia, tách doanh nghiệp;

+ Đề án chia, tách doanh nghiệp phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

i) Tên, địa chỉ các doanh nghiệp trước và sau khi chia, tách;

ii) Sự cần thiết của việc chia, tách doanh nghiệp; sự phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành quốc gia;

ii) Mức vốn điều lệ của doanh nghiệp sau khi chia, tách;

iii) Phương án sắp xếp, sử dụng lao động;

iv) Phương án xử lý tài chính, chuyển đổi, bàn giao vốn, tài sản và giải quyết các quyền, nghĩa vụ của các doanh nghiệp liên quan đến việc chia, tách;

v) Thời hạn thực hiện chia, tách doanh nghiệp;

vi) Trường hợp chia, tách doanh nghiệp để hình thành các doanh nghiệp mới thì Đề án chia, tách doanh nghiệp bao gồm thêm các nội dung khác quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định 23/2022/NĐ-CP.

+ Báo cáo tài chính năm trước liền kề của doanh nghiệp đã được kiểm toán và báo cáo tài chính quý gần nhất với thời điểm chia, tách;

+ Dự thảo Điều lệ của doanh nghiệp mới được hình thành sau khi chia, tách;

+ Các tài liệu khác có liên quan đến việc chia, tách doanh nghiệp (nếu có).

*Số lượng hồ sơ: 04 bộ hồ sơ gốc

- Thời hạn giải quyết:

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Hồ sơ, các cơ quan liên quan gửi văn bản tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi quản lý đến cơ quan đại diện chủ sở hữu.

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, cơ quan đại diện chủ sở hữu lập báo cáo thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương.

+ Cơ quan đại diện chủ sở hữu ra quyết định chia, tách doanh nghiệp trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

+ Văn bản của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (hoặc không phê duyệt) chủ trương.

+ Trong trường hợp được phê duyệt chủ trương, Cơ quan đại diện chủ sở hữu ra quyết định chia, tách.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được chia, tách khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

+ Việc chia, tách doanh nghiệp phải phù hợp với văn bản về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trường hợp chưa được quy định tại các văn bản này thì cơ quan đại diện chủ sở hữu phải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

+ Các doanh nghiệp mới hình thành sau khi chia, tách phải đảm bảo đủ điều kiện nướđối với thành lập doanh nghiệp quy định tại Điều 4 Nghị định số 23/2022/NĐ-CP .

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

+ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 69/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014.

+ Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

11. Thủ tục: Quyết định tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)

- Trình tự thực hiện: Thực hiện theo quy định tại Mục 4 Phần B Phụ lục II Quyết định 1330/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2022:

+ Sau khi cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) ra quyết định tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh, doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện các thủ tục tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo quy định của pháp luật, cụ thể: thủ tục “Thông báo tạm ngừng kinh doanh” theo quy định tại:

i) Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

ii) Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

iii) Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 03 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.

Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có trách nhiệm báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu doanh nghiệp để ra quyết định tạm ngừng kinh doanh.

- Cách thức thực hiện:

+ Thông qua hệ thống tiếp nhận văn bản điện tử Ioffice;

+ Qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ: Theo quy định khi thực hiện thủ tục “Thông báo tạm ngừng kinh doanh”.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gốc.

- Thời hạn giải quyết: Theo quy định khi thực hiện thủ tục “Thông báo tạm ngừng kinh doanh”

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 206 Luật Doanh nghiệp

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Theo quy định khi thực hiện thủ tục “Thông báo tạm ngừng kinh doanh”.

- **Phí, lệ phí (nếu có):** Theo quy định khi thực hiện thủ tục “Thông báo tạm ngừng kinh doanh”.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Phụ lục II-19 “Thông báo tạm ngừng kinh doanh” ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn về đăng ký doanh

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Doanh nghiệp tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 206 Luật Doanh nghiệp.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

+ Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

+ Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

+ Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 03 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.

Phụ lục II-19

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT
ngày 16 tháng 03 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

**Về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh
trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/
chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Tây Ninh

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số
doanh nghiệp/mã số thuế*): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

1. Trường hợp tạm ngừng kinh doanh¹:

a) Đối với doanh nghiệp:

Đăng ký tạm ngừng kinh doanh kể từ ngày...tháng...năm..... đến hết
ngày...tháng...năm.....

Lý do tạm ngừng:

Sau khi doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, đề nghị Phòng Đăng ký kinh
doanh chuyển tình trạng của tất cả các chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh
doanh của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang
tình trạng “Tạm ngừng kinh doanh”.

b) Đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Đăng ký tạm ngừng kinh doanh kể từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết
ngày ... tháng ... năm ... đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh
doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*)
.....

Mã số/Mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*chỉ kê khai nếu không có mã số chi
nhánh/mã số thuế*): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

¹Doanh nghiệp gửi thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp, chi nhánh/văn phòng đại
diện/địa điểm kinh doanh đã đăng ký chậm nhất 03 ngày trước khi tạm ngừng kinh doanh.

Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký tạm ngừng kinh doanh địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*chỉ kê khai nếu không có mã số chi nhánh/mã số thuế*): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Lý do tạm ngừng:

2. Trường hợp tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo²:

a) Đối với doanh nghiệp:

Đăng ký tiếp tục kinh doanh kể từ ngày....tháng....năm.....

Lý do tiếp tục kinh doanh:

Sau khi doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng của các chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau đây của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng “Đang hoạt động”:

Tất cả các chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.

Một hoặc một số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

- Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Mã số/Mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh: .

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*chỉ kê khai nếu không có mã số chi nhánh/mã số thuế*): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

b) Đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Đăng ký tiếp tục kinh doanh kể từ ngày....tháng....năm..... đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số/Mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế*): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

²Doanh nghiệp gửi thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp, chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh đã đăng ký chậm nhất 03 ngày trước khi tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo.

Tên chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Lý do tiếp tục kinh doanh:

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

Người ký tại Thông báo này cam kết là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP/
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CHI NHÁNH**
(Ký và ghi họ tên)³

12. Thủ tục: Quyết định giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)

³- Trường hợp tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo đối với doanh nghiệp, chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp tạm ngừng kinh doanh/Tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo đối với địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.

- Trình tự thực hiện: Thực hiện theo quy định tại Mục 5 Phần B Phụ lục II Quyết định 1330/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2022:

+ Khi xác định doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp xem xét giải thể quy định tại Điều 39 Nghị định số 23/2022/NĐ-CP, người có thẩm quyền quyết định giải thể doanh nghiệp ra quyết định giải thể và thành lập Hội đồng giải thể để thực hiện các bước giải thể doanh nghiệp.

+ Người có thẩm quyền ra quyết định giải thể doanh nghiệp theo các nội dung quy định tại Điều 42 Nghị định số 23/2022/NĐ-CP .

+ Sau khi có quyết định giải thể:

i) Hội đồng giải thể có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 43 Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ;

ii) Doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 45 Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ;

iii) Cơ quan thuế trực tiếp quản lý việc thu thuế có trách nhiệm ban hành văn bản xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp khi nhận được văn bản đề nghị xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp.

+ Hội đồng giải thể tự động chấm dứt hoạt động khi doanh nghiệp đã hoàn tất các thủ tục giải thể theo quy định của pháp luật và cơ quan đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đã giải thể.

- Cách thức thực hiện:

+ Thông qua hệ thống tiếp nhận văn bản điện tử Ioffice;

+ Qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần: Văn bản đề nghị giải thể doanh nghiệp.

+ Số lượng: 01 bộ hồ sơ.

- Thời hạn giải quyết: Tối đa không quá 30 ngày làm việc, người có thẩm quyền quyết định giải thể công ty thành lập Hội đồng giải thể để thẩm định đề nghị giải thể doanh nghiệp.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

+ Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

+ Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

+ Cơ quan thanh tra, kiểm toán, thuế hoặc các cơ quan chức năng khác của Nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền, phát hiện doanh nghiệp rơi vào tình trạng phải giải thể.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Người quyết định thành lập doanh nghiệp là người quyết định giải thể doanh nghiệp.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định giải thể doanh nghiệp của người quyết định thành lập doanh nghiệp.

- **Phí, lệ phí** (nếu có): Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính** (nếu có):

+ Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bị xem xét giải thể trong các trường hợp sau:

i) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

ii) Doanh nghiệp có dấu hiệu mất an toàn tài chính, được đặt vào tình trạng giám sát tài chính đặc biệt sau khi kết thúc thời hạn áp dụng phương án khắc phục, phương án cơ cấu lại mà không phục hồi được hoạt động sản xuất kinh doanh và không thực hiện được các hình thức chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại khác theo quy định của pháp luật;

iii) Không thực hiện được các nhiệm vụ do Nhà nước giao trong thời gian 02 năm liên tiếp sau khi đã áp dụng các biện pháp cần thiết;

iv) Việc tiếp tục duy trì doanh nghiệp là không cần thiết;

v) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quy định gia hạn.

+ Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.

+ Việc giải thể doanh nghiệp phải phù hợp với văn bản về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trường hợp việc giải thể chưa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại văn bản về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định (trừ trường hợp doanh nghiệp giải thể khi bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quy định gia hạn).

Trường hợp không còn đáp ứng các điều kiện giải thể nêu trên hoặc đã lâm vào tình trạng phá sản thì cơ quan đại diện chủ sở hữu báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định sắp xếp theo hình thức khác hoặc thực hiện phá sản.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

+ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 69/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014.

+ Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

13. Thủ tục: Quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư công khẩn cấp

- **Trình tự thực hiện:** Theo Điều 42 Luật Đầu tư công 2019 quy định trình tự, thủ tục quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư công khẩn cấp như sau:

Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư theo trình tự, thủ tục sau đây:

+ Giao cơ quan chuyên môn hoặc đơn vị có chức năng tổ chức khảo sát, lập báo cáo đề xuất dự án;

+ Giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công hoặc đơn vị có chức năng thẩm định dự án;

+ Chỉ đạo cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a khoản này hoàn chỉnh báo cáo đề xuất dự án trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định tại Điều 35 của Luật này.

Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương báo cáo Chính phủ việc thực hiện dự án đầu tư công khẩn cấp. Chủ tịch Ủy ban nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp việc thực hiện dự án đầu tư công khẩn cấp tại kỳ họp gần nhất.

- **Cách thức thực hiện:** Hồ sơ nộp trên hệ thống Vnpt-ioffice của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Tờ trình chủ đầu tư dự án;

+ Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

- **Số lượng hồ sơ:** Không quy định.

- **Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các chủ đầu tư

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Kế hoạch và Đầu tư

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định về dự án đầu tư công khẩn cấp

- **Phí, lệ phí (nếu có):** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một điều của Luật

Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình.

14. Thủ tục: Lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án

- Trình tự thực hiện

+ Chủ đầu tư (gồm: Chủ đầu tư (trường hợp đã được xác định), cơ quan được giao chuẩn bị dự án (trường hợp đã xác định được chủ đầu tư)) lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu theo các nội dung được quy định tại Điều 36 Luật Đấu thầu năm 2023; Điều 14, Điều 15 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024, Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 và quy định của pháp luật hiện hành.

+ Chủ đầu tư nộp hồ sơ trình thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu về Sở Kế hoạch và Đầu tư (qua bộ phận Văn thư).

+ Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình duyệt, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra sự phù hợp về nội dung của kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Luật Đấu thầu và Điều 14, Điều 15 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, xin ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu cần) và ban hành Báo cáo thẩm định gửi chủ đầu tư trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp bằng văn bản.

- Thành phần hồ sơ:

- + Tờ trình đề nghị phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu;
- + Dự thảo kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu kèm theo Tờ trình của chủ đầu tư;
- + Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án;
- + Chủ trương lập kế hoạch tổng thể của người có thẩm quyền;
- + Quyết định phê duyệt dự án;
- + Điều ước quốc tế, thỏa thuận vay vốn đối với dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (nếu có);
- + Kế hoạch bố trí vốn thực hiện dự án hoặc nguồn vốn thực hiện dự án (nếu có);
- + Văn bản pháp lý khác có liên quan khác.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: Tối đa là 30 ngày.

- Cơ quan thực hiện:

- + UBND tỉnh Sơn La (Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La phê duyệt);
- + Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La (chủ trì thẩm định);

- + Các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có);
- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.
- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.
- **Phí, lệ phí:** Không có.
- **Mẫu Tờ trình, mẫu dự thảo kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu:** Theo **Mẫu số 1A, 1C** ban hành kèm theo Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- **Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không có.
- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**
 - + Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;
 - + Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
 - + Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

15. Thủ tục: Lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho dự án (trong trường hợp không áp dụng kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu)

- **Trình tự thực hiện:**
 - + Chủ đầu tư lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo các nội dung được quy định tại các Điều 37, 38, 39 Luật Đấu thầu năm 2023; Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024, Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 và quy định của pháp luật hiện hành.
 - + Chủ đầu tư nộp hồ sơ trình thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu về Sở Kế hoạch và Đầu tư (qua bộ phận Văn thư).
 - + Trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình duyệt, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra, đánh giá và đưa ra ý kiến nhận xét nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu căn cứ quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.
- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp bằng văn bản.
- **Thành phần hồ sơ:**
 - + Tờ trình đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu;
 - + Dự thảo kế hoạch lựa chọn nhà thầu kèm theo Tờ trình của chủ đầu tư;
 - + Quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật;
 - + Quyết định phê duyệt điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc điều chỉnh báo cáo kinh tế - kỹ thuật (nếu có);

+ Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được duyệt (đối với hồ sơ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh, bổ sung);

+ Quyết định giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, trừ trường hợp dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

+ Kế hoạch bố trí vốn thực hiện dự án hoặc nguồn vốn thực hiện dự án đối với dự án không thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 Luật Đấu thầu năm 2023;

+ Quyết định bố trí vốn đối với gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu theo điểm c khoản 3 Điều 23 Luật Đấu thầu năm 2023;

+ Điều ước quốc tế, thỏa thuận vay vốn đối với dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, trừ trường hợp đấu thầu trước theo quy định tại Điều 42 Luật Đấu thầu năm 2023;

+ Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu tại bước chuẩn bị đầu tư *(theo ý (5) mục ghi chú Mục III Mẫu số 2A ban hành kèm theo Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT)*;

+ Tổng mức đầu tư hoặc dự toán đã được đóng dấu thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng kèm theo Thông báo kết quả thẩm định đối với dự án có cấu phần xây dựng *(trường hợp Thông báo kết quả thẩm định đã có Bảng tổng hợp tổng mức đầu tư kèm theo thì không phải nộp Hồ sơ Tổng mức đầu tư hoặc dự toán đã được đóng dấu thẩm định)*;

+ Đối với gói thầu thiết bị hoặc gói thầu có thiết bị, ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên cần bổ sung các hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

+ Văn bản pháp lý khác có liên quan khác.

- Thành phần hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: Tối đa là 20 ngày *(do Luật Đấu thầu năm 2023 chưa quy định thời gian thẩm định, do đó vận dụng thời gian thẩm định Luật Đấu thầu năm 2013 là 20 ngày)*.

- Cơ quan thực hiện:

+ UBND tỉnh Sơn La *(Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La phê duyệt)*;

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Phí, lệ phí: Không có.

- Mẫu Tờ trình, mẫu dự thảo kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Theo Mẫu số 2A, 2C ban hành kèm theo Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- **Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không có.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

+ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

+ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

+ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

16. Thủ tục: Thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư

- **Trình tự thực hiện:**

+ Bên mời thầu lập tờ trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP và điểm a khoản 1 Điều 28 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP.

+ Bên mời thầu nộp hồ sơ trình thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư về Sở Kế hoạch và Đầu tư (qua bộ phận Văn thư).

+ Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình duyệt, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức xin ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan và thẩm định các nội dung kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP và khoản 2 Điều 55 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP và pháp luật có liên quan, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp bằng văn bản.

- **Thành phần hồ sơ**

+ Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư của bên mời thầu;

+ Báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu của tổ chuyên gia;

+ Bản chụp các hồ sơ tài liệu: Hồ sơ mời thầu, biên bản đóng thầu, mở thầu, hồ sơ dự thầu của các nhà đầu tư và những tài liệu khác có liên quan;

+ Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu;

+ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (*đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư*) hoặc Quyết định phê duyệt thông tin dự án (*đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư*);

+ Quyết định phê duyệt kết quả hồ sơ mời quan tâm;

+ Quyết định phê duyệt Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư;

+ Văn bản pháp lý khác có liên quan khác.

- **Thành phần hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** Tối đa là 30 ngày.

- Cơ quan thực hiện:

- + UBND tỉnh Sơn La (*Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La phê duyệt*);
- + Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La (*chủ trì thẩm định*).
- + Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

- Phí, lệ phí: Không có.

- Mẫu Tờ trình phê duyệt kế quả lựa chọn nhà đầu tư: Không có.

- Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- + Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;
- + Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực;
- + Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;
- + Thông tư số 15/2024/TT-BKHĐT ngày 30/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dự án đầu tư kinh doanh; cung cấp, đăng tải thông tin về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

17. Thủ tục: Lập, phê duyệt hồ sơ mời quan tâm

- Trình tự thực hiện:

+ Bên mời quan tâm giao Tổ chuyên gia lập hồ sơ mời quan tâm theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP và Điều 39 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP.

+ Bên mời quan tâm nộp hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt hồ sơ mời quan tâm (qua bộ phận Văn thư).

+ Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị phê duyệt, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ban hành quyết định phê duyệt hồ sơ mời quan tâm.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp bằng văn bản.

- Thành phần hồ sơ:

- + Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ mời quan tâm;

- + Dự thảo hồ sơ mời quan tâm;
- + Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư) hoặc Quyết định phê duyệt thông tin dự án (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư);
- + Văn bản pháp lý khác có liên quan khác.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.
- **Thời hạn giải quyết:** Tối đa là 05 ngày.
- **Cơ quan thực hiện:**
 - + UBND tỉnh Sơn La (*Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La phê duyệt*);
 - + Bên mời quan tâm.
- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.
- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt hồ sơ mời quan tâm.
- **Phí, lệ phí:** Không có.
- **Mẫu Thông báo mời quan tâm, mẫu hồ sơ mời quan tâm:** Theo Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 15/2024/TT-BKHĐT.
- **Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không có.
- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**
 - + Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;
 - + Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;
 - + Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực;
 - + Thông tư số 15/2024/TT-BKHĐT ngày 30/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dự án đầu tư kinh doanh; cung cấp, đăng tải thông tin về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

18. Thủ tục: Trình, phê duyệt và công khai kết quả mời quan tâm

- Trình tự thực hiện:

- + Bên mời quan tâm căn cứ kết quả đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả mời quan tâm và tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP và Điều 43 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP.

+ Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị phê duyệt, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ban hành quyết định phê duyệt kết quả mời quan tâm và tổ chức lựa chọn nhà đầu tư.

+ Bên mời quan tâm đăng tải kết quả mời quan tâm và Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư hoặc văn bản thông báo về việc kết thúc thủ tục mời quan tâm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp bằng văn bản.

- **Thành phần hồ sơ:**

+ Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ mời quan tâm;

+ Dự thảo hồ sơ mời quan tâm;

+ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư) hoặc Quyết định phê duyệt thông tin dự án (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư);

+ Văn bản pháp lý khác có liên quan khác.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** Tối đa là 10 ngày.

- **Cơ quan thực hiện:**

+ UBND tỉnh Sơn La (*Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La phê duyệt*);

+ Bên mời quan tâm.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt kết quả mời quan tâm và tổ chức lựa chọn nhà đầu tư.

- **Phí, lệ phí:** Không có.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có.

- **Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không có.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

+ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;

+ Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực;

+ Thông tư số 15/2024/TT-BKHĐT ngày 30/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án

đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dự án đầu tư kinh doanh; cung cấp, đăng tải thông tin về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

19. Thủ tục: Lập, phê duyệt bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư

- Trình tự thực hiện:

+ Cơ quan, đơn vị trực thuộc, cơ quan chuyên môn (*sau đây gọi chung là cơ quan*) được Chủ tịch UBND tỉnh giao lập bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư theo Phụ lục I Ban hành kèm theo Nghị định số 23/2024/NĐ-CP và Phụ lục II Ban hành kèm theo Nghị định số 115/2024/NĐ-CP.

+ Cơ quan nộp hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ban hành quyết định (qua Hệ thống quản lý văn bản điều hành VNPT iOffice 4.0).

+ Trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cảm tham gia hoạt động đấu thầu, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư.

+ Bên mời quan tâm đăng tải quyết định phê duyệt Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản được phê duyệt.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp bằng văn bản.

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình đề nghị phê duyệt Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư;

+ Dự thảo Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư;

+ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư) hoặc Quyết định phê duyệt thông tin dự án (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư);

+ Quyết định phê duyệt kết quả mời quan tâm;

+ Văn bản pháp lý khác có liên quan khác.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: Tối đa là 20 ngày.

- Cơ quan thực hiện:

+ UBND tỉnh Sơn La (*Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La phê duyệt*);

+ Bên mời quan tâm;

+ Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư.

- **Phí, lệ phí:** Không có.
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có.
- **Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không có.
- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

+ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;

+ Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực;

+ Thông tư số 15/2024/TT-BKHĐT ngày 30/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dự án đầu tư kinh doanh; cung cấp, đăng tải thông tin về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

20. Thủ tục: Ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu

- Trình tự thực hiện:

+ Căn cứ tính chất, mức độ vi phạm, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có văn bản đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại Điều 87 Luật Đấu thầu và khoản 4, khoản 5 Điều 125 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

+ Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấm tham gia hoạt động đấu thầu của người có thẩm quyền, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu.

+ Chủ đầu tư đăng tải quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản được ban hành.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp bằng văn bản.

- Thành phần hồ sơ:

Gồm một trong các tài liệu sau:

+ Tờ trình đề nghị ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu;

+ Kết luận thanh tra của cơ quan thanh tra, kết luận kiểm tra của đoàn kiểm tra; báo cáo kết quả kiểm toán của cơ quan kiểm toán nhà nước (nếu có);

+ Các văn bản khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong đó xác định hành vi vi phạm.

+ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư) hoặc Quyết định phê duyệt thông tin dự án (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư);

+ Văn bản pháp lý khác có liên quan khác.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** Tối đa là 15 ngày.

- **Cơ quan thực hiện:**

+ UBND tỉnh Sơn La (*Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La phê duyệt*);

+ Người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 125 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định cam tham gia hoạt động đấu thầu.

- **Phí, lệ phí:** Không có.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có.

- **Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không có.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

+ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

+ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

21. Thủ tục: Quyết định/Điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A thuộc thẩm quyền HĐND cấp tỉnh

- **Trình tự thực hiện:** Theo Điều 40 Luật Đầu tư công 2019 quy định trình tự, thủ tục Quyết định/Điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A thuộc thẩm quyền HĐND cấp tỉnh như sau:

+ Người đứng đầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân có trách nhiệm sau đây:

i) Giao cơ quan chuyên môn hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;

ii) Thành lập Hội đồng thẩm định do Chủ tịch hoặc một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng, cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp tỉnh là Thường trực Hội đồng thẩm định và các cơ quan liên quan là thành viên để thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

iii) Chỉ đạo cơ quan quy định tại điểm a khoản này hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo ý kiến thẩm định.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư, bao gồm mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện, dự kiến kế hoạch bố trí vốn.

- **Cách thức thực hiện:** Hồ sơ nộp trên hệ thống Vnpt-ioffice của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- + Tờ trình chủ đầu tư dự án;
- + Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

- **Số lượng hồ sơ:** Không quy định.

- **Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các chủ đầu tư.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Nghị quyết về chủ trương đầu tư

- **Phí, lệ phí (nếu có):** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình.

22. Thủ tục: Quyết định/Điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C do địa phương quản lý

- **Trình tự thực hiện:** Theo Điều 27 Luật Đầu tư công 2019 quy định trình tự, thủ tục Quyết định/Điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C thuộc thẩm quyền UBND các cấp như sau:

+ Người đứng đầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân có trách nhiệm sau đây:

i) Giao cơ quan chuyên môn hoặc Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

ii) Thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng để thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp mình quản lý;

iii) Chỉ đạo cơ quan quy định tại điểm a khoản này hoàn chỉnh báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến thẩm định.

+ Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư, bao gồm mục tiêu, phạm vi, quy mô, tổng vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ, dự kiến kế hoạch bố trí vốn, cơ chế và giải pháp, chính sách thực hiện.

- **Cách thức thực hiện:** Hồ sơ nộp trên hệ thống Vnpt-ioffice của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Tờ trình chủ đầu tư dự án;

+ Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

- **Số lượng hồ sơ:** Không quy định

- **Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các chủ đầu tư.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định về chủ trương đầu tư

- **Phí, lệ phí (nếu có):** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình.

23. Thủ tục: Quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C

- **Trình tự thực hiện:** Theo Điều 40 Luật Đầu tư công 2019 quy định như sau:

+ Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án quan trọng quốc gia được quy định như sau:

i) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được Quốc hội quyết định, chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án báo cáo cơ quan chủ quản xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ;

ii) Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước để thẩm định dự án;

iii) Hội đồng thẩm định nhà nước thẩm định các nội dung quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 44, khoản 2 Điều 45 của Luật này;

iv) Căn cứ ý kiến thẩm định, chủ đầu tư hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án báo cáo cơ quan chủ quản thông qua, gửi Hội đồng thẩm định nhà nước;

v) Hội đồng thẩm định nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đầu tư dự án.

+ Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và không có cấu phần xây dựng được quy định như sau:

i) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định, chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư;

ii) Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công tổ chức thẩm định dự án;

iii) Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công thẩm định các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 44 và khoản 2 Điều 45 của Luật này;

iv) Căn cứ ý kiến thẩm định, chủ đầu tư hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đầu tư.

+ Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan, trừ dự án quan trọng quốc gia.

+ Nguyên tắc, thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, quyết định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo phương thức đối tác công tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, trừ dự án quan trọng quốc gia.

+ Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và nhiệm vụ quy hoạch được quy định như sau:

i) Căn cứ nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và nhiệm vụ quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định, cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và nhiệm vụ quy hoạch lập dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch trình người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định;

ii) Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công tổ chức thẩm định dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch;

iii) Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công thẩm định các nội dung dự toán theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, định mức kinh phí nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch;

iv) Căn cứ ý kiến thẩm định, chủ đầu tư hoàn chỉnh dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch để người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp phê duyệt dự toán.

+ Nguyên tắc, thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư công tại nước ngoài thực hiện theo quy định của Chính phủ.

- **Cách thức thực hiện:** Hồ sơ nộp trên hệ thống Vnpt-ioffice của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Tờ trình chủ đầu tư dự án;

+ Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

- **Số lượng hồ sơ:** Không quy định.

- **Thời hạn giải quyết:** Không quy định.
- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các chủ đầu tư.
- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định về chủ trương đầu tư
- **Phí, lệ phí (nếu có):** Không.
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.
- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình.

24. Thủ tục: Điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C

- **Trình tự thực hiện:** Theo Điều 40 Luật Đầu tư công 2019 quy định như sau:
 - + Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án quan trọng quốc gia được quy định như sau:
 - i) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được Quốc hội quyết định, chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án báo cáo cơ quan chủ quản xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ;
 - ii) Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước để thẩm định dự án;
 - iii) Hội đồng thẩm định nhà nước thẩm định các nội dung quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 44, khoản 2 Điều 45 của Luật này;
 - iv) Căn cứ ý kiến thẩm định, chủ đầu tư hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án báo cáo cơ quan chủ quản thông qua, gửi Hội đồng thẩm định nhà nước;
 - v) Hội đồng thẩm định nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đầu tư dự án.
 - + Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và không có cấu phần xây dựng được quy định như sau:
 - i) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định, chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư;
 - ii) Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công tổ chức thẩm định dự án;

iii) Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công thẩm định các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 44 và khoản 2 Điều 45 của Luật này;

iv) Căn cứ ý kiến thẩm định, chủ đầu tư hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đầu tư.

+ Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan, trừ dự án quan trọng quốc gia.

+ Nguyên tắc, thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, quyết định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo phương thức đối tác công tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, trừ dự án quan trọng quốc gia.

+ Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và nhiệm vụ quy hoạch được quy định như sau:

i) Căn cứ nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và nhiệm vụ quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định, cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và nhiệm vụ quy hoạch lập dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch trình người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định;

ii) Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công tổ chức thẩm định dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch;

iii) Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công thẩm định các nội dung dự toán theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, định mức kinh phí nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch;

iv) Căn cứ ý kiến thẩm định, chủ đầu tư hoàn chỉnh dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch để người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp phê duyệt dự toán.

+ Nguyên tắc, thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư công tại nước ngoài thực hiện theo quy định của Chính phủ.

- **Cách thức thực hiện:** Hồ sơ nộp trên hệ thống Vnpt-ioffice của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Tờ trình chủ đầu tư dự án;

+ Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

- **Số lượng hồ sơ:** Không quy định.

- **Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các chủ đầu tư.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định về chủ trương đầu tư

- **Phí, lệ phí (nếu có):** Không.
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình.

25. Thủ tục: Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư

- **Trình tự thực hiện:** Theo khoản 2, Điều 14 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định như sau:

Đối với chương trình, dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng do địa phương quản lý:

+ Đối với chương trình, dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư:

i) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp giao chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án; thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án;

ii) Chủ đầu tư căn cứ ý kiến thẩm định, hoàn thiện báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp xem xét, quyết định đầu tư chương trình, dự án;

+ Đối với chương trình, dự án do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định đầu tư: Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án phù hợp với chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định; tổ chức thẩm định, phê duyệt chương trình, dự án đầu tư và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định của pháp luật hiện hành.

- **Cách thức thực hiện:** Hồ sơ nộp trên hệ thống Vnpt-ioffice của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Tờ trình chủ đầu tư dự án;

+ Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

- **Số lượng hồ sơ:** Không quy định.

- **Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các chủ đầu tư.
- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định về đầu tư dự án.
- **Phí, lệ phí (nếu có):** Không.
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.
- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công ;Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình.